

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 01 - 4 - 2019

*(V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Bá Bẩy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong

2. Ông Y Míp Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký TAND huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 19/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình N

Địa chỉ: Thôn a, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Anh Đồng Văn A, có mặt.

Địa chỉ: 42b, thị trấn N, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn b, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện cho nguyên đơn theo ủy quyền, anh Đồng Văn A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, nên từ năm 2016 đến năm 2018 anh Đỗ Văn T có mua nợ sắt thép của anh Nguyễn Đình N để về đồ trụ bê tông, trồng tiêu. Ngày 13/9/2018 anh N và anh T đối chiếu công nợ thì anh T còn nợ anh N tổng số tiền

176.278.000 đồng, hai bên đã lập biên bản xác nhận công nợ và anh T hẹn anh N đến ngày 23/10/2018 anh T trả hết số nợ 176.278.000 đồng cho anh N. Tuy nhiên, quá ngày trả nợ anh N đã yêu cầu anh T trả nợ cho anh N nhưng anh T vẫn không trả. Vì vậy, anh N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho anh N số tiền 176.278.000 đồng, anh N không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Đỗ Văn T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng đã bản khai và tham gia hòa giải, lời trình bày của anh T như sau:

Công nhận vào khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 anh T có mua nợ sắt thép của anh Nguyễn Đình N để đổ trụ bê tông, trồng tiêu. Số tiền mà anh T còn nợ anh N tính đến ngày 13/9/2018 là 176.278.000 đồng, anh T hẹn anh N đến ngày 23/10/2018 anh T sẽ trả đủ số nợ 176.278.000 đồng cho anh N. Nhưng cho đến nay anh T vẫn chưa trả nợ cho anh N.

Nay anh N khởi kiện yêu cầu anh T trả số nợ 176.278.000 đồng thì anh T đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình còn gặp nhiều khó khăn nên anh T xin được trả số nợ trên cho anh N chia làm 02 đợt: Đợt 1 vào ngày 20/10/2019 trả số tiền 100.000.000 đồng; Đợt 2 vào ngày 20/10/2020 trả số tiền còn lại.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử áp dụng Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc anh Đỗ Văn T phải trả cho anh Nguyễn Đình N số tiền 176.278.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Đỗ Văn T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì

đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn T cũng thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 anh T có mua sắt thép của anh Nguyễn Đình N để về đổ trụ bê tông, trồng tiêu. Tổng số tiền anh T còn nợ anh N tính đến ngày 13/9/2018 là 176.278.000 đồng, anh T hẹn anh N đến ngày 23/10/2018 trả đầy đủ cho anh N nhưng cho đến nay anh T vẫn chưa trả nợ cho anh N. Như vậy, anh T đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền cho anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự. Ý kiến của anh T xin được trả số nợ trên cho anh N chia làm 02 đợt không được nguyên đơn đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Đỗ Văn T phải trả cho anh Nguyễn Đình N số tiền 176.278.000 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn không thuộc trường hợp được miễn hoặc giảm án phí nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $176.278.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.813.900 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ các Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình N.

Buộc anh Đỗ Văn T phải trả cho anh Nguyễn Đình N số tiền 176.278.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp 8.813.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho anh Nguyễn Đình N số tiền 4.407.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0010370 ngày 07/12/2018.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THA dân sự huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Bá Bảy